

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Các lĩnh vực liên quan đến Địa chính Giao thông, thủy lợi, Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ(gồm 02 thủ tục)	
01	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điếm trông xe phục vụ đám cưới	4
02	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điếm trông xe phục vụ đám cưới.	5
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (gồm 10 thủ tục)	
01	Thủ tục đăng ký phương tiện đường thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác.	6- 8
02	Thủ tục đăng ký phương tiện đường thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện khai thác trên đường thủy nội địa	8-9
03	Thủ tục đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	10- 11
04	Thủ tục đăng ký phương tiện trong trường hợp thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	11- 13
05	Thủ tục đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	13- 15
06	Thủ tục đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	15- 17
07	Thủ tục đăng ký phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	17- 18

08	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	18- 19
09	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện	19- 21
10	Thủ tục xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.	21- 23
III	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (gồm 01 thủ tục)	
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	23-24
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (gồm 01 thủ tục)	
1	Phê duyệt khuyến nông địa phương	24-25
V	LĨNH VỰC THỦY LỢI (gồm 03 thủ tục)	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	25- 26
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	26-27
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện.	27-28
VI	LĨNH VỰC PHÒNG TRỐNG THIÊN TAI (gồm 05 thủ tục)	
01	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	28- 29
02	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	30- 32
03	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	32

04	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	33-35
05	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	35-39

I LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới.

1. Các bước :

- Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời phần hè phố chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ viết phiếu hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện, đúng quy định thì ghi phiếu hẹn trả kết quả.

- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để tổ chức đám cưới (theo mẫu Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương).

- Bản vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: [Đơn đề nghị cấp giấy phép](#) sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để tổ chức đám cưới.

3. Căn cứ pháp lý :

- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định sử dụng tạm thời phần lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4. Yêu cầu:

Vị trí sử dụng tạm thời phải nằm trong danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm đủ điều kiện được sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố đã được UBND cấp huyện phê duyệt

2. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới

1. Các bước

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn sử dụng tạm thời phần hè phố chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ viết phiếu hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện, đúng quy định thì ghi phiếu hẹn trả kết quả.

- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố (theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Quy định này).

+ Giấy phép cũ (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: [Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép](#) sử dụng tạm thời phần lòng đường, hè phố của tổ chức, cá nhân (không kèm bản vẽ) theo Phụ lục 3 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương.

3. Căn cứ pháp lý :

Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định sử dụng tạm thời phần lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương

4. Yêu cầu:

Không

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác

1. các bước:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký phương tiện thủy nội địa gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

2 . Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ [Bản kê khai điều kiện an toàn](#) của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình giấy tờ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 - Phụ lục I;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I

3. Căn cứ pháp lý :

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Yêu cầu: Không quy định

2.Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (dành cho cấp huyện)

1. các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký phương tiện thủy nội địa gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu chính, nộp trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 4 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

+ Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 4 - Phụ lục I](#);

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 3 - Phụ lục I](#).

3. Căn cứ pháp lý :

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Yêu cầu:

Không quy định

3. Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (dành cho cấp xã)

1. các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 5 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 5 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 3 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

3. Căn cứ pháp lý :

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

4.Yêu cầu: Không quy định

4.Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (dành cho cấp xã)

1. Các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 6 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

+ Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

+ Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có);

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 6 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 3 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

3. Căn cứ pháp lý

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

4. Yêu Cầu: Không Quy định

5. Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (dành cho cấp xã)

1. các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

-+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 7 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

+ Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá

nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

3. Căn cứ pháp lý :

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

4.Yêu cầu: Không quy định

6. Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (dành cho cấp xã)

1. các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 7 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

+ Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có);

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 7 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

3. Căn cứ pháp lý :

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Yêu cầu:

Không quy định

7. Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (dành cho cấp xã)

1. các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 8 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 8 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

3. Căn cứ pháp lý :

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

4. Yêu cầu: Không

8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (dành cho cấp xã)

1. Các bước:

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 9 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 9 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT

3. Căn cứ pháp lý:

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Yêu cầu: Không Quy định.

9. Thủ tục Xóa đăng ký phương tiện (dành cho cấp xã)

1. Các bước:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại [Mẫu số 10 - Phụ lục I](#) ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

+ Giấy tờ quy định nêu trên được lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện đối với trường hợp xóa quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 10 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT

3. Căn cứ pháp lý.

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Yêu Cầu: Không.

10. Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung,

1. Các Bước

Nộp hồ sơ TTHC:

+ Tổ chức cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xác nhận trình báo đường thủy nội địa đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

+ Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ Đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình báo tại một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá ghé vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2015 trước khi mở nắp hầm hàng. Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì thực hiện, như trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa.

Giải quyết TTHC:

+ Khi thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền nộp và xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

+ Thời hạn giải quyết xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa không quá 02 (hai) giờ làm việc đối với Cảng vụ đường thủy nội địa và 03 (ba) giờ làm việc đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.

2. Hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

+ Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản);

+ Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc (02 bản);

+ Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

+ Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản);

+ Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có), (02 bản).

+ Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

+ Đối với tàu biển: Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc, Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc;

+ Đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá: Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

+ Đối với bản trình báo đường thủy nội địa, ngoài chữ ký của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện và đóng dấu của tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu cá (nếu có con dấu), còn phải có chữ ký của máy trưởng hoặc 01 (một) thủy thủ với tư cách là người làm chứng.

+ Ngoài số lượng trình báo đường thủy nội địa được quy định nói trên, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có thể đề nghị xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung, nếu thấy cần thiết.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

[Trình báo đường thủy nội địa](#)

3. Căn cứ pháp lý

+Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

4. yêu Cầu: Không có

III. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1.. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa

1. Các bước

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

- Bước 3: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.

- Bước 4: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

2. Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

b) Số lượng: 01 (bộ)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo [Mẫu số 04.CĐ](#) Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019.

Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo [Mẫu số 05.CĐ](#) Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019.

3. Căn cứ pháp lý:

- Luật Trồng trọt năm 2018;
- Nghị định số 94/2019/NĐCP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

4. Yêu Cầu:

- Người sử dụng đất được chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Có Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;
- Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng.

IV LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

1. Các bước :

Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông Xã trước ngày 30/9 hàng năm;

Bước 2: Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở Xã tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí và trình Ủy ban nhân dân cấp Huyện trước ngày 15/11 hàng năm;

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp Xã phê duyệt kế hoạch khuyến nông trước ngày 30/11

hàng năm và công bố theo quy định.

2. Hồ sơ:

Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần:

- + Đề xuất kế hoạch khuyến nông;
- + Dự toán kinh phí.

Số lượng: Không quy định.

3. Căn cứ pháp lý :

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông

4. Yêu cầu: Không

V LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

1. Các bước:

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

2. Hồ Sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ.

3. Căn cứ Pháp lý:

Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

4. Yêu cầu: Không

2. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

1. Các bước:

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

2. Hồ Sơ:

Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

Số lượng: 01 bộ

3. căn cứ Pháp lý:

Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

4. Yêu Cầu: Không

3. Thủ tục Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện.

1 Các bước :

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi hồ sơ đến UBND cấp xã để thực hiện xem xét thanh toán, giải ngân.

Bước 2: Đối với hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, UBND cấp xã đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thực hiện nếu hồ sơ không hợp lệ.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt UBND cấp xã thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho người đề nghị hỗ trợ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2 Hồ sơ:

2.1 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định [77/2018/NĐ-CP](#) ngày 16/5/2018;
- Hồ sơ được phê duyệt;
- Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

b) Số lượng: 01 bộ chính

Tên mẫu đơn, tờ khai: Có

- [Đơn đề nghị về việc hỗ trợ phát triển thủy lợi](#) nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (có mẫu kèm theo Nghị định [77/2018/NĐ-CP](#) ngày 16/5/2018)

3. Căn cứ pháp lý :

Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

4. Yêu cầu:

Đối với Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước:

- + Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã;
- + Đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 3 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp

phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

+Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

+ Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

+ Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

+ Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây trồng chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

VI. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng

b, Các bước

Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã.

Bước 2: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra với sự tham gia, phối hợp của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã để kiểm tra,

xác nhận thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 5: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo.

c, Hồ sơ

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.
- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.
- Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.
- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

** Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ*

d, Căn cứ pháp lý

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

e, Yêu cầu

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.
- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).
- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.
- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận.

2. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng

b, Các bước

Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

c, Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.
- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).
- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.
- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

d, Căn cứ pháp lý

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

e, Yêu cầu

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.
- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).
- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.
- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác

phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

3. Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	UBND cấp xã xác nhận vào bản kê khai.

b, Các bước

Bước 1: Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi và gửi bản đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.

Các hộ nuôi trồng thủy sản kê khai khi thực hiện nuôi trồng thủy sản và bản gửi đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kê khai đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Đối với các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai, UBND xã xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

c, Hồ sơ

- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP

d, Căn cứ pháp lý

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

e, Yêu cầu

Không

4. Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
Thời hạn giải quyết:	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	Quyết định hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng.

b, Các bước

Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.

c, Hồ sơ

*** Trường hợp hỗ trợ khám chữa bệnh**

- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã, thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.

- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.

*** Trường hợp trợ cấp tai nạn**

- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện;

- + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;
- + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).
- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:
 - + Tờ trình;
 - + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;
 - + Giấy ra viện;
 - + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;
 - + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

d, Căn cứ pháp lý

Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

e, Yêu cầu

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, tai nạn, bị thương trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;
- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, bị thương do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

5. Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:

Lĩnh vực Phòng chống thiên tai

Cơ quan ban hành:

UBND Tỉnh Hải Dương

Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
Thời hạn giải quyết:	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.</p>
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	Quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được trợ cấp

b, Các bước

Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.

c, Hồ sơ

*** Trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên**

- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện;

+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện;

+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện;

+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

*** Trường hợp trợ cấp tiền tuất:**

- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

d, Căn cứ pháp lý

- Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

e, Yêu cầu

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được trợ cấp theo khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

